



Biến cơ hội thành giá trị

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hội sở

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn Việt Nam, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-38181 888

Fax: 84-4-38181 688

Email: contact@shs.com.vn

Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Điện thoại: 84-511 3525 777

Fax: 84-511 3523 779

Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Tp.HCM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238, Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: 84-8-3945 1368

Fax: 84-8-3915 1369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

MỤC LỤC

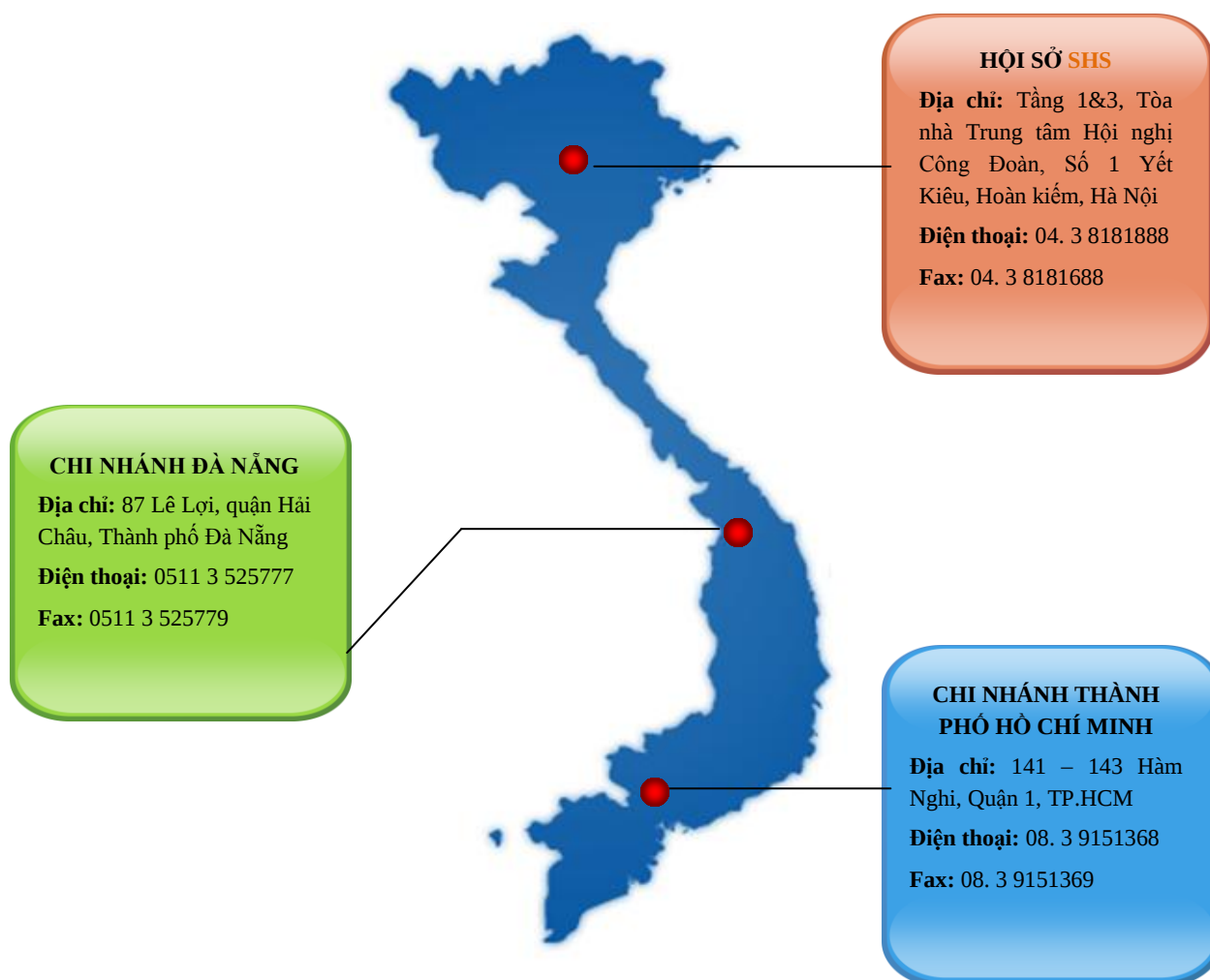
PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG	3
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	3
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	4
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	5
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	6
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	9
VI. CÁC RỦI RO	9
PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM	11
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	13
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	19
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	19
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	20
PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	23
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	24
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	25
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	25
V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	26
PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	27
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	27
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	28
PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
II. BAN KIỂM SOÁT	33
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	34
PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH	37
I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN	37
II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	38

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số	66/UBCKNN-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62-GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Vốn điều lệ	1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một ngàn tỷ đồng)
Trụ sở chính	Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	04.3818 1888 Fax: 04.3818 1688
Mã chứng khoán	SHS

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA SHS NĂM 2012



II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Quá trình hình thành và phát triển

Mốc thời gian	Sự kiện
15/11/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) được chính thức thành lập theo Giấy phép số 66/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, với số vốn điều lệ ban đầu là 350.000.000.000 VNĐ.
29/11/2007	Trở thành thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 71/GCNTVLK của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
15/02/2008	Trở thành thành viên chính thức của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSX) và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
05/05/2008	Thành lập Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 320/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
16/02/2009	Khai trương Trụ sở mới tại Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.
06/05/2009	Tăng vốn điều lệ từ 350.000.000.000 VNĐ lên 410.629.960.000 VNĐ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ chia thường 1.000:174.
17/06/2009	Cổ phiếu SHS chính thức được chấp thuận niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định số 245/QĐ-TTGDHN với mã chứng khoán SHS .
25/06/2009	Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SHS tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
21/09/2009	Thành lập Chi nhánh tại Tp. Đà Nẵng theo Quyết định số 611/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
18/05/2010	Tăng vốn điều lệ từ 410.629.960.000 VNĐ lên 1.000.000.000.000 VNĐ thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu.
24/08/2010	Thành lập Chi nhánh tại Nghệ An theo Quyết định số 681/QĐ-UBCKNN ngày 24/8/2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
30/09/2010	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức công nhận SHS là thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt.
07/01/2011	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh chuyển đến địa điểm mới tại 141-143 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 20/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
19/07/2011	Đóng cửa chi nhánh Nghệ An theo Quyết định số 535/QĐ-UBCKNN của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
23/11/2011	Khai trương Trụ sở mới theo Quyết định số 62/GPĐC-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Tầng 1&3, Toà nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn Việt Nam, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

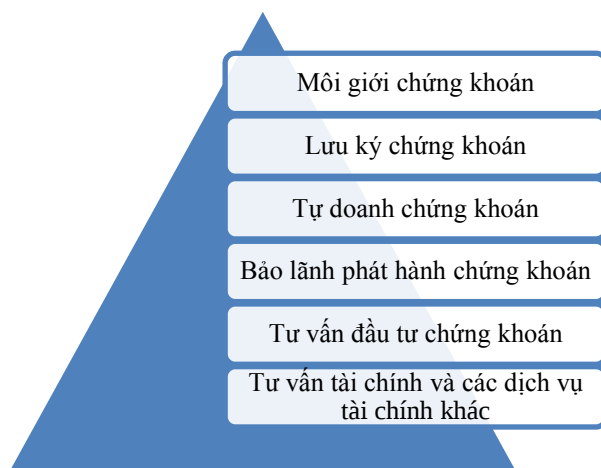
2. Các sự kiện khác

- Ngày 06/04/2012, **SHS** đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2012. Theo đó, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2012-2017 gồm 5 thành viên (có bổ nhiệm thêm một thành viên HĐQT là Bà Đàm Ngọc Bích và miễn nhiệm 4 thành viên HĐQT là các Ông/Bà Nguyễn Công Sử, Phạm Ngọc Lâm, Nguyễn Quang Vinh, Đinh Thị Tiểu Phương), Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2012-2017 vẫn gồm 3 thành viên nhưng bổ nhiệm Ông Vũ Đức Trung và miễn nhiệm Bà Đàm Ngọc Bích.
- Ngày 16/04/2012, **SHS** bổ nhiệm hai Phó Tổng Giám đốc là Ông Vũ Đức Tiến theo Quyết định số 05-2012/QĐ-HĐQT và Ông Trần Hữu Chung theo Quyết định số 07-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 05/05/2012, **SHS** tái bổ nhiệm Ông Hoàng Đình Lợi giữ chức vụ Tổng Giám đốc **SHS** theo Quyết định số 14-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 05/07/2012, **SHS** bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh đối với Ông Trần Thành Nam theo Quyết định số 18-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 28/08/2012, **SHS** miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Lê theo Quyết định số 20-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 30/09/2012, **SHS** đã được trái chủ đồng ý gia hạn thanh toán 12 tháng với 150 tỷ đồng trái phiếu phát hành riêng lẻ chưa thanh toán mà **SHS** phát hành năm 2011.
- Ngày 31/10/2012, **SHS** miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đối với Ông Hồ Vĩnh Phương theo Quyết định số 24-2012/QĐ-HĐQT và bổ nhiệm Ông Hoàng Đình Lợi - Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 25-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 19/11/2012, **SHS** miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Trần Hữu Chung theo Quyết định số 26-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.
- Ngày 28/12/2012, **SHS** miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Bùi Thị Minh Tâm kể từ ngày 29/12/2012 theo Quyết định số 31-2012/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị **SHS**.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

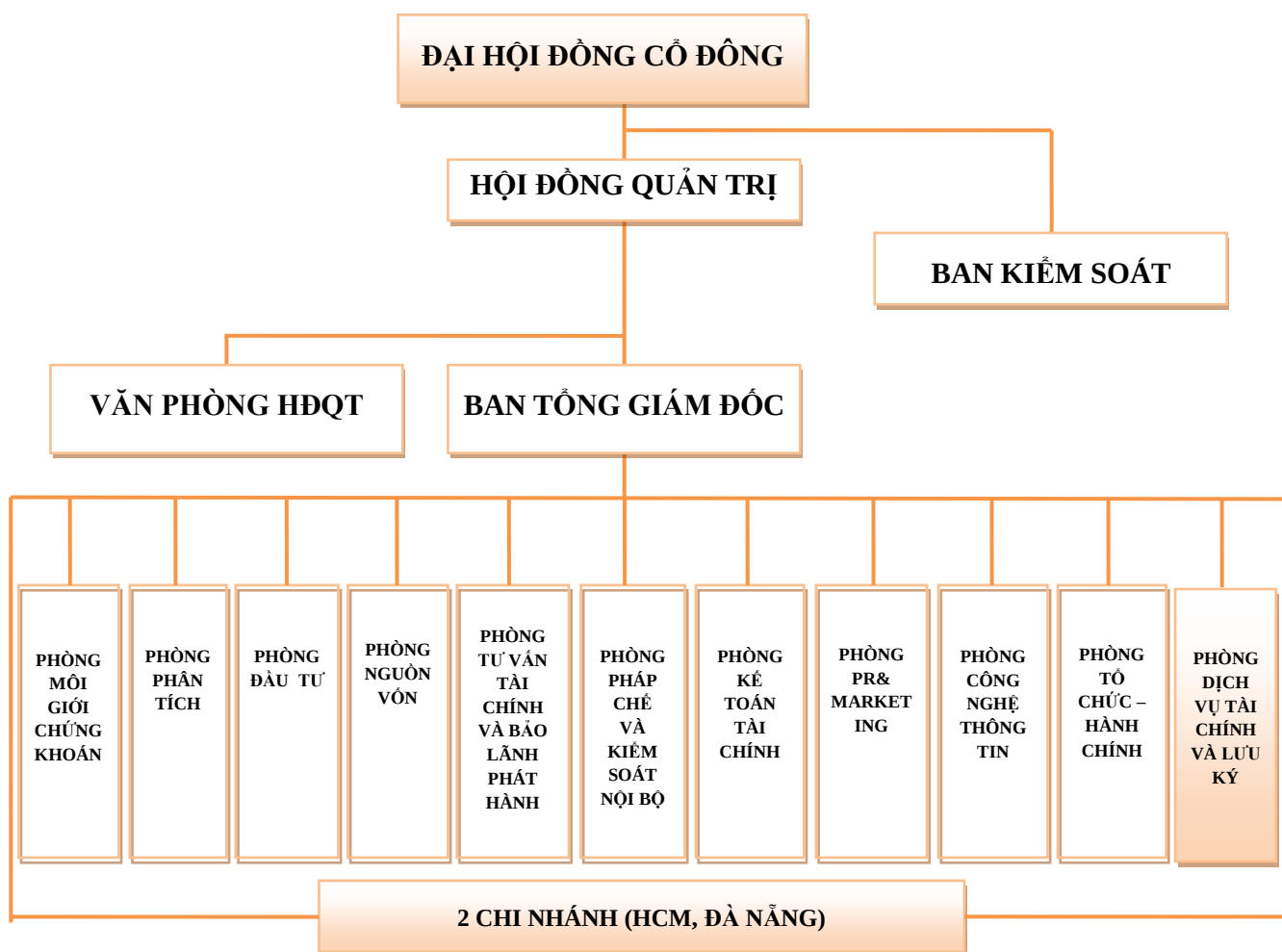
Từ khi thành lập đến nay, **SHS** được UBCKNN cấp phép để thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:



2. **Địa bàn kinh doanh:** Các tỉnh khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị



2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội cổ đông bất thường và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề được quy định trong Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị. Giúp việc cho Hội đồng quản trị là Văn phòng Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng Cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi mặt hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành của Công ty. Đại diện Ban Tổng Giám đốc là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban nghiệp vụ và Ban Kiểm soát nội bộ.

Các phòng ban nghiệp vụ tại Hội sở

Các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty gồm:

- Phòng Môi giới chứng khoán có chức năng cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tổ chức đấu giá, đại lý đấu giá.

- Phòng Dịch vụ tài chính và Lưu ký có chức năng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, hợp tác 3 bên, ứng trước, lưu ký chứng khoán và quản lý sổ cổ đông.
- Phòng Đầu tư có chức năng thực hiện các hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết cho Công ty.
- Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành có chức năng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Phòng Nguồn vốn có chức năng huy động nguồn vốn cho Công ty, tổ chức sử dụng nguồn vốn (đầu tư trái phiếu...) và cân đối nguồn vốn hằng ngày cho Công ty.
- Phòng Công nghệ thông tin có chức năng mua sắm, quản lý, khai thác, sử dụng các thiết bị công nghệ của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động giao dịch hằng ngày của Công ty.
- Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng văn thư lưu trữ, mua sắm, xây dựng, phân phát, quản lý, theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ của Công ty.
- Phòng PR&Marketing có chức năng xây dựng và quản lý các mối quan hệ với các mục tiêu truyền thông nhằm nâng cao thương hiệu Công ty, quản lý và phòng ngừa khủng hoảng truyền thông, thực hiện các hoạt động thúc đẩy bán hàng và xây dựng thương hiệu, đầu mối tổ chức sự kiện của Công ty và xây dựng quan hệ nội bộ.
- Phòng Phân tích có chức năng thực hiện phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp... phục vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh của Công ty.
- Phòng Kế toán tài chính có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán, tổ chức triển khai hoạt động kế toán quản trị và kế toán tài chính trong đó kế toán tài chính bao gồm kế toán giao dịch và kế toán nội bộ.
- Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ có các chức năng như tư vấn pháp lý; kiểm tra, kiểm soát nội bộ; báo cáo và công bố thông tin và xử lý nợ xấu.

Các chi nhánh

Tại **SHS** trong năm 2012 duy trì 2 chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tại chi nhánh Đà Nẵng có các phòng Giao dịch chứng khoán; Kế toán – Tài chính và Văn phòng Chi nhánh. Tại chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có các phòng Giao dịch chứng khoán; Tư vấn & Bảo lãnh phát hành; Kế toán – Tài chính và Văn phòng Chi nhánh.

3. Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện liên kết hoặc thành lập công ty con.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là:

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông;

Đóng góp, xây dựng, phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam an toàn, hiệu quả;

Tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên;

Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác của SHS.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

SHS phấn đấu trở thành một trong các công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam, hoạt động theo mô hình ngân hàng đầu tư, từng bước hướng ra thị trường tài chính quốc tế. Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, SHS mong muốn cung cấp cho các khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan và có những đóng góp tích cực cho cộng đồng.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty bao gồm:

- Bảo vệ môi trường
- Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

VI. CÁC RỦI RO

Năm 2012 là năm nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt đối với các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Môi trường kinh doanh khắc nghiệt đã sàng lọc và loại bỏ dần các công ty chứng khoán yếu kém, dẫn đến nhiều công ty chứng khoán trên đà phá sản, thu hẹp hoạt động hoặc loại bỏ một số các nghiệp vụ kinh doanh chính. Tính đến 31/12/2012, toàn thị trường có 105 công ty chứng khoán với tổng số 125 chi nhánh, 70 phòng giao dịch; giảm 20 chi nhánh và 11 phòng giao dịch so với năm 2011. Năm 2012 có trên 50% số công ty chứng khoán bị lỗ, trên 70% số công ty chứng khoán có lỗ lũy kế, 11 công ty chứng khoán đã bị đặt vào diện kiểm soát đặc biệt, 3 công ty chứng khoán vào diện kiểm soát; 4 công ty chứng khoán rút nghiệp vụ môi giới, 1 công ty chứng khoán rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, 2 công ty chứng khoán rút nghiệp vụ tự doanh, 3 công ty chứng khoán bị đình chỉ hoạt động và 4 công ty chứng khoán bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán. Trong bối cảnh đó, mặc dù vẫn còn lỗ lũy

kể nhưng năm 2012, **SHS** đã có lãi và nhanh chóng thoát ra khỏi diện kiểm soát. Chìa khóa cho sự thành công đó là do **SHS** đã kết hợp chặt chẽ giữa việc bám sát diễn biến thị trường và kiểm soát chặt chẽ quy trình quản lý, hoạt động, hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như kết quả đầu tư của khách hàng. Các rủi ro điển hình có thể phát sinh thường xuyên được tiên lượng và xem xét gồm rủi ro về thị trường, rủi ro về quy trình vận hành, rủi ro về tín dụng và rủi ro pháp lý.



SHS luôn nhận thức việc quản lý rủi ro là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty đồng thời bảo vệ khách hàng, giúp khách hàng hạn chế được tối đa các thiệt hại, qua đó đem lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, khách hàng và cán bộ nhân viên Công ty.

PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Trong năm 2012, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 30,79 tỷ đồng trong khi năm 2011 lỗ 381,4 tỷ đồng. Có được kết quả trên là do sự chỉ đạo, điều hành sát sao của HĐQT, BTGD và sự nỗ lực của tập thể CBNV trong Công ty. Trong năm, Công ty đã tập trung khai thác lợi thế vốn có, tiết giảm chi phí một cách hợp lý và quản trị rủi ro hiệu quả. Sau đây là kết quả các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2012:

Hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính

Phí môi giới tăng 2,5 lần so với năm 2011 (đạt 21,2 tỷ đồng). Thị phần môi giới đến cuối năm 2012 tăng hơn 2 lần trên cả 2 sàn giao dịch so với thời điểm cuối năm 2011: tại HSX là 1,16% (tăng 215%), tại HNX là 3,12% (tăng 216% xếp thứ 11). Năm 2012 cũng là năm **SHS** phát triển mạnh việc tìm kiếm, khai thác khách hàng tổ chức và triển khai hiệu quả mạng lưới cộng tác viên. Một số sản phẩm dịch vụ mới liên quan đến giao dịch ký quỹ, hợp vốn... đã được triển khai góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính của **SHS**.

Hoạt động đầu tư

Công ty đã tích cực tái cơ cấu danh mục đầu tư, thoái vốn tại một số cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đối với doanh nghiệp Công ty nắm giữ có giá trị lớn và chưa thể thoái vốn do không có thanh khoản và chưa tìm được đối tác mua, Công ty đã thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin, cố gắng tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục tích cực tìm cơ hội thoái vốn hoặc liên kết với các đối tác để đảm bảo quyền lợi của **SHS** tại các doanh nghiệp này.

Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành

Năm 2012, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chỉ đạt 2,6 tỷ đồng, tương đương 15,8% kế hoạch. Nguyên nhân do tình hình thị trường không thuận lợi nên có quá ít doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành.

Hoạt động nguồn vốn

Trong năm 2012, Công ty đã đa dạng hóa được nguồn vốn huy động, cân đối về nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán, đặc biệt trong những giai đoạn thị trường tiền tệ có nhiều xáo trộn dẫn đến tình trạng rút tiền của người dân tại một số ngân hàng và công ty chứng khoán.

Hoạt động phân tích

Năm 2012, ngoài việc duy trì các bản tin định kỳ hàng ngày, hàng tuần gửi tới khách hàng, Công ty có thêm “Báo cáo chiến lược” hàng tháng cung cấp đánh giá tổng hợp về tình hình vĩ mô, thị trường. Hình thức của các bản tin và báo cáo phân tích cũng được cải tiến theo hướng dữ liệu cập nhật tự động, cung cấp thêm nhiều thông tin tới nhà đầu tư. Ngoài các báo cáo phục vụ khách hàng, hoạt động phân tích của Công ty cũng tập trung vào

các nhu cầu nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động khác và phục vụ hoạt động quản trị của Ban lãnh đạo.

Hoạt động hành chính, nhân sự

Trong năm, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để quản lý chặt chẽ và tiết giảm chi phí hành chính; tận dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để phục vụ hoạt động kinh doanh, hoàn thành việc trả lại một phần mặt bằng đã thuê, bố trí lại vị trí làm việc của các phòng, ban tại Hội sở. Ngoài việc tuyển dụng để thay thế một số CBNV nghỉ việc, Công ty cũng thực hiện tuyển mới để phục vụ nhu cầu của hoạt động kinh doanh, chủ yếu tại bộ phận Môi giới. Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo, đặc biệt là công tác đào tạo nội bộ.

Hoạt động PR&Marketing

Trong năm, Công ty đã từng bước cải thiện về tần suất cũng như chất lượng thông tin liên quan tới **SHS** đăng tải trên các phương tiện truyền thông, xây dựng và duy trì mối quan hệ cũng như hình ảnh đẹp về **SHS** đối với các cơ quan thông tấn báo chí, xử lý nhanh và hiệu quả và triệt để các vấn đề liên quan tới khủng hoảng truyền thông, cải tiến giao diện website của Công ty theo hướng tăng cường tương tác với Nhà đầu tư (NĐT), quy chuẩn lại tài liệu giới thiệu sản phẩm, xây dựng video hướng dẫn NĐT sử dụng dịch vụ **SHS**, tiến hành các chương trình email marketing, thực hiện tổ chức Hội thảo nhà đầu tư, các chương trình khuyến mãi chăm sóc khách hàng cũ và phát triển khách hàng mới. Ngoài ra, Công ty đã từng bước xây dựng và phát triển các chương trình, phong trào nội bộ nhằm tăng cường sự giao lưu giữa các phòng ban, chi nhánh qua đó nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các CBNV và tổ chức truyền thông kịp thời các thông điệp, định hướng mà HĐQT, Ban Điều hành hướng tới.

Hoạt động công nghệ thông tin

Trong năm 2012, Công ty tập trung vào thực hiện các dự án công nghệ thông tin có hiệu quả trong đó tập trung phối hợp với đối tác cung cấp để nâng cấp đáp ứng các yêu cầu về giao dịch và khai thác các lợi thế của phần mềm phục vụ công tác kinh doanh và quản trị. Đồng thời với việc nâng cao năng lực xử lý, tính ổn định, bảo mật của hệ thống, Công ty cũng tiến hành rà soát tiết giảm chi phí đường truyền và tạm dừng các dự án đầu tư chưa cấp thiết.

Hoạt động pháp chế, kiểm soát nội bộ và công bố thông tin

Trong năm 2012, hoạt động pháp chế tập trung quản lý tốt việc ủy quyền, tư vấn pháp lý, tư vấn xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung quy chế, quy trình, quy định nội bộ Công ty và xử lý nợ xấu. Hoạt động kiểm soát nội bộ tập trung kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo các phòng ban tuân thủ quy định pháp luật và Công ty trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo ngày, tuần, tháng, quý, năm. Công ty thực hiện báo cáo và công bố

thông tin đảm bảo đúng quy định, đầy đủ và kịp thời.

**Hoạt động kế
toán tài chính**

Trong năm 2012, Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về công tác kế toán, thống kê. Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản tốt, đảm bảo các quy định về tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của UBCKNN.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng gồm các thành viên sau:

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng giám đốc (tái bổ nhiệm từ ngày 06/05/2012)
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 29/12/2012)
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 16/04/2012)
Ông Trần Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 16/04/2012 và miễn nhiệm từ ngày 19/11/2012)
Ông Trần Sỹ Tiến	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

a. Tổng Giám đốc Hoàng Đình Lợi (tái bổ nhiệm từ ngày 06/05/2012)

Họ và tên:	Hoàng Đình Lợi
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1970
Số CMTND:	012928388 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 17/05/2012
Nơi sinh:	Hưng Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Hộ khẩu thường trú:	Số 4, ngách 1/20, phố Nhân Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội.
Chỗ ở hiện tại:	Số 078 phố Cù Chính Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội.
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ:	79.300 cổ phần (0,08%)
Quá trình công tác:	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1994-2001	Công ty Dịch vụ Tài chính kế toán và Kiểm toán	Phó trưởng phòng kiểm toán	Không	Không
2001-2004	Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn tài chính-Chi nhánh Hà Nội	Phó Giám đốc chi nhánh	Không	Không
2005-7/2007	Công ty Cổ phần Vincom	Giám đốc tài chính	Không	Không
7/2007-11/2007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	Phó Trưởng ban dự án thành lập công ty chứng khoán	Không	Không
11/2007-12/2008	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Giám đốc Khối Dịch vụ khách hàng	Không	Không
01/2009-5/2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Không	Không
5/2011-nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Tổng Giám đốc	Không	Không

b. Phó Tổng Giám đốc Bùi Thị Minh Tâm (miễn nhiệm từ ngày 29/12/2012)

Họ và tên: Bùi Thị Minh Tâm

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1973

Số CMTND: 012860209 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 16/12/2010

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: Phòng 5B, tập thể Viện KTCGQS, ngõ Xã Đàn II, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1103, chung cư Chelsea Park, E1 Nam Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
9/1994-12/2006	Công ty TNHH T&T	Kế toán trưởng- Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính	Không	Không
1/2007-2/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính	Không	Không
3/2007-11/2007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	Phó Trưởng ban dự án thành lập công ty chứng khoán	Không	Không
11/2007-12/2008	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Giám đốc Khối quản trị	Không	Không
01/2009-12/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Không	Không

c. Phó Tổng Giám đốc Vũ Đức Tiến (bổ nhiệm từ ngày 16/04/2012)

Họ và tên: Vũ Đức Tiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1973

Số CMTND: 013231095 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 28/02/2012

Nơi sinh: Thị xã Lào Cai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: H12, 96 Định Công, Thanh Xuân, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: H12, 96 Định Công, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ngân hàng

Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ: 79.400 cổ phần (0,08%)

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1995-1998	Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương	Phó TP Tín dụng	Không	Không
1998-2000	Công ty CP XNK Than TKV (COALIMEX)	Phó Trưởng phòng XNK 5	Không	Không
2000-2008	Công ty CP Du lịch Thương mại Thanh Nhân	Giám đốc	Không	Không
2008 – 4/2012	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Chánh văn phòng HĐQT	Không	Không
16/04/2012 - nay	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Không	Không

- d. Phó Tổng Giám đốc Trần Hữu Chung** (bổ nhiệm từ ngày 16/04/2012 và miễn nhiệm từ ngày 19/11/2012)

Họ và tên: Trần Hữu Chung

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/05/1976

Số CMTND: 0126371600 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 06/12/2007

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: Số 5, Ngách 210/3 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 5, Ngách 210/3 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1999 - 01/2005	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Kế toán tổng hợp	Không	Không
02/2005 - 01/2010	Thanh tra Bộ Giao thông Vận tải	Thanh tra viên	Không	Không
02/2010 - 16/04/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà nội	Trưởng phòng MGCK	Không	Không

16/04/2012 - 18/11/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà nội	Phó Tổng Giám đốc	Không	Không
------------------------------------	---	----------------------	-------	-------

e. Kế toán trưởng Trần Sỹ Tiến

Họ và tên: Trần Sỹ Tiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/05/1973

Số CMTND: 011879768 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 15/07/2008

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: Số 32, ngõ 489, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà nội

Chỗ ở hiện tại: Số 32, ngõ 489, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ: 0 cổ phần (0%)

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1994-1999	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Chuyên viên Kế toán-Tài chính	Không	Không
2000-4/2011	Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Kế toán trưởng	Không	Không
4/2011-9/2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	Kế toán trưởng	Không	Không
9/2011-đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Kế toán trưởng	Không	Không

2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Số lượng CB, NV trung bình năm 2011 (người)	166
Số lượng CB, NV trung bình năm 2012 (người)	149
Thay đổi (người)	-17
Thay đổi (%)	-10%

3. Chính sách đối với người lao động

Đối với **SHS**, người lao động là tài nguyên, là động lực của quá trình hoạt động. Do đó, nhân tố con người rất được **SHS** chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy khả năng sáng tạo, năng động và góp phần đáng kể vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động

Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Chính sách lương, thưởng

Thu nhập của người lao động tại **SHS** là thu nhập thuần hàng tháng, theo đó Công ty tính nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, Thuế TNCN, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Lương tháng = Lương cơ bản + Lương kinh doanh

Lương trung bình năm 2011 (đồng)	12.134.192
Lương trung bình năm 2012 (đồng)	11.811.333
Thay đổi (đồng)	-322.859
Thay đổi (%)	-2,7%

Chính sách trợ cấp

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở **SHS** còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được quan tâm.

Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, **SHS** chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

Với mức thu nhập hợp lý, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, **SHS** đã thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được đào tạo, hướng dẫn về chuyên môn và văn hóa **SHS** ngay từ những ngày đầu để phù hợp với văn hóa Công ty.

**Chính sách
thu hút và
đào tạo
nguồn nhân
lực**

Quy trình tuyển dụng và đào tạo của **SHS** được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. Ngoài nguồn nhân sự được thông báo tuyển dụng trên phương tiện thông tin đại chúng, website, **SHS** còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín và một số tổ chức cung ứng nhân sự chuyên nghiệp. Do đó **SHS** có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

SHS đặc biệt coi trọng đến vấn đề đào tạo cho nhân viên. Ngoài việc tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ, **SHS** còn chú trọng đến đào tạo kỹ năng nâng cao đảm bảo cho nhân viên hoàn thành mục tiêu như: kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và nhận định thị trường,... Trong năm 2012, **SHS** đã tổ chức được 96 khóa đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau như: mời cán bộ, chuyên viên trong và ngoài nước về Công ty giảng dạy; gửi đi học; đào tạo nội bộ...(tăng 357% so với 21 khóa đào tạo được tổ chức năm 2011).

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn: Không có
2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Thay đổi	
				Số tiền	%
1.	Tổng giá trị tài sản	1.176.494.116.934	1.491.586.724.074	315.092.607.140	27%
2.	Doanh thu thuần	225.884.712.089	365.782.217.657	139.897.505.568	62%
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(381.357.491.465)	30.532.258.823	-	-
4.	Lợi nhuận khác	(103.189.788)	259.101.944	-	-
5.	Lợi nhuận trước thuế	(381.460.681.253)	30.791.360.767	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế	(381.460.681.253)	30.791.360.767	-	-

7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức

-

-

-

-

Các chỉ tiêu khác

Công ty được miễn thuế giá trị gia tăng đối với các dịch vụ chứng khoán như môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành, giao dịch chứng khoán ký quỹ, dịch vụ ứng trước. Hoạt động kinh doanh của công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ do đó việc xác định số thuế sau cùng phải nộp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012
01	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	%		
	- Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn		250%	199%
	- (Tài sản lưu động-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		250%	199%
02	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản		37%	48%
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		58%	93%
03	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		-	-
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản		19%	25%
04	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		-169%	8%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		-51%	4%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		-32%	2%
	- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		-169%	8%

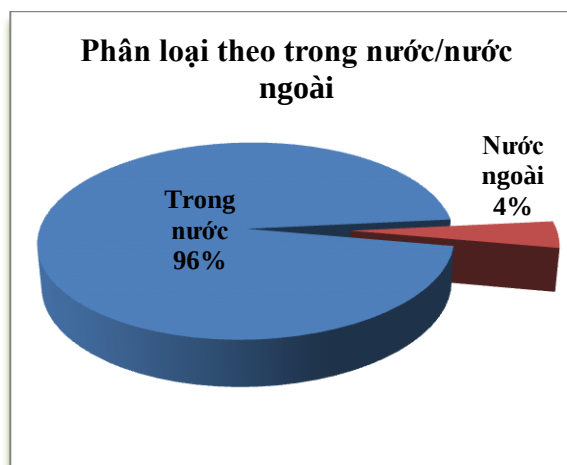
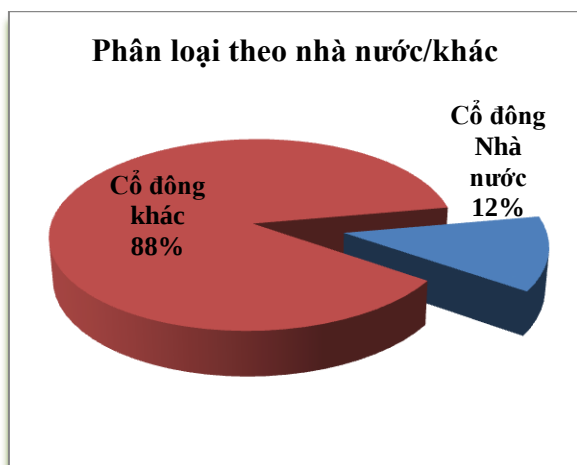
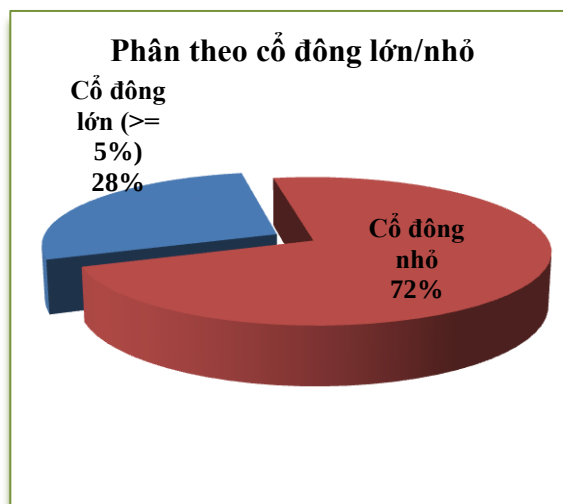
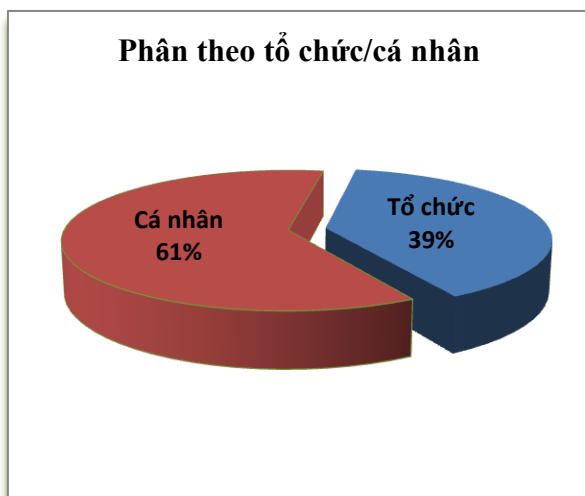
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

Tổng số cổ phần là 100.000.000 cổ phần trong đó 100.000.000 cổ phần phổ thông và 0 có cổ phần ưu đãi các loại. Trong số 100.000.000 cổ phần phổ thông có 99.845.000 cổ phần đang lưu hành và 155.000 cổ phần quỹ. Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 100.000.000 cổ phần và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 0.

2. Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2012, Công ty giữ nguyên vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Cơ cấu vốn cổ đông như sau:



3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 155.000 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

5. Các chứng khoán khác

Tổng số trái phiếu đang lưu hành:

- Mã trái phiếu: **SHS_BOND.350.2011**
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
- Giá trị trái phiếu phát hành: 250.000.000.000 đồng

- Số lượng trái phiếu phát hành: 250 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu.
- Giá phát hành: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu.
- Kỳ hạn trái phiếu: 1 năm kể từ ngày phát hành
- Giá trị trái phiếu đã tất toán trong năm: 100.000.000.000 đồng.
- Giá trị trái phiếu được gia hạn trả nợ: 150.000.000.000 đồng
- Thời hạn gia hạn: 12 tháng (từ 01/10/2012-30/09/2013)
- Lãi suất trong thời hạn gia hạn: 16,5%/ năm (3 tháng điều chỉnh 1 lần)

PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch

Trong năm 2012, mặc dù thực hiện vượt kế hoạch doanh thu nhưng Công ty chỉ đạt 30,79 tỷ đồng lãi trước thuế, tương đương 60,8% kế hoạch được giao, cụ thể :

Tổng doanh thu của toàn Công ty trong năm 2012 đạt 365,8 tỷ đồng, tương đương 106,4% kế hoạch:

- Doanh thu từ hoạt động đầu tư đã đạt được 273,2 tỷ đồng vượt 76,3% so với kế hoạch (155 tỷ đồng).
- Tuy nhiên, do thị trường không thuận lợi nên doanh thu một số hoạt động khác của Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra từ đầu năm.
- Phí môi giới thu được là 21,2 tỷ, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2011, nhưng so với kế hoạch thì chỉ tương đương 40,5%.
- Hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành do tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình hình chung nên doanh thu đã thực hiện chỉ đạt 2,6 tỷ đồng, so với kế hoạch 16,5 tỷ đồng.

Tổng chi phí trong năm 2012 là 335,2 tỷ đồng, giảm 44,8% so với năm 2011 và tương đương 114,3% kế hoạch cả năm, chủ yếu là do Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục trong năm và giá trị thu hồi không được cao như dự kiến nên đã phải ghi nhận lỗ đối với một số khoản đầu tư. Ngoài ra, Công ty cũng phải trích lập dự phòng một số khoản phải thu theo quy định của Nhà nước và giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết thấp hơn so với kế hoạch.

2. Những kết quả Công ty đã đạt được

Đối chiếu với các mục tiêu phương hướng hành động đề ra từ đầu năm 2012, Công ty đã thực hiện được một số kết quả tích cực như:

Mạnh dạn tái cơ cấu danh mục đầu tư (DNY, VOS, EFI...);

Triển khai một số sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhà đầu tư trong đó có các sản phẩm liên quan đến giao dịch ký quỹ, hợp vốn...;

Chất lượng nhân sự đã được cải thiện hơn qua các hoạt động đào tạo nội bộ, tăng cường ứng dụng công nghệ vào việc quản lý và đánh giá nhân viên; Cải tiến cơ chế khoán lương theo doanh thu; Tích cực sàng lọc đội ngũ nhân sự, thay thế và bổ sung nhân sự mới có chất lượng;

Kiến toàn một số các quy trình, quy chế nội bộ như các quy trình nghiệp vụ, cơ chế lương khoán, quy định về bảo mật thông tin, quy trình đánh giá nhân viên...;

Tăng cường thực hiện rà soát, tiết giảm chi phí mặt bằng và một số khoản chi phí hành chính, chi phí nhân sự gián tiếp,...

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm tăng 315 tỷ đồng tương đương 27% so với đầu năm. Nguyên nhân do:

Tiền và các khoản tương đương tiền (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản tương đương tiền) tăng thêm 586 tỷ đồng tương đương 382%

Trả trước cho người bán tăng 76 tỷ đồng tương đương 826% do trong năm Công ty ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty.

Phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán tăng 19 tỷ đồng.

Các khoản phải thu khác tăng 33,6 tỷ đồng tương đương 6% chủ yếu do phải thu hợp đồng hợp tác 3 bên tăng 106,3 tỷ đồng trong khi phải thu giao dịch ký quỹ giảm 52 tỷ đồng, phải thu khác giảm 26 tỷ đồng do trong năm công ty bắt đầu áp dụng và chủ trương phát triển sản phẩm hợp tác 3 bên với SHB và Eximbank cho KH vay tiền nhằm hạn chế rủi ro tín dụng cho Công ty. Phải thu khó đòi cuối năm đã tăng thêm 18,96 tỷ đồng.

Trong khi đó

Đầu tư ngắn hạn đã giảm 205 tỷ đồng tương đương 37%, đầu tư dài hạn giảm 21,3 tỷ đồng tương đương 32% do trong năm công ty đã tích cực tái cơ cấu danh mục đầu tư, bán đi các cổ phiếu có tính thanh khoản và hiệu quả thấp

Tài sản ngắn hạn khác giảm 122,3 tỷ đồng tương đương 99%, tài sản dài hạn khác giảm 2,3 tỷ đồng tương đương 23% do trong năm công ty đã thu hồi hầu hết các khoản tạm ứng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên

Giá trị còn lại của tài sản cố định giảm 6 tỷ đồng tương đương 36% do trong năm công ty đã trích khấu hao và hao mòn tài sản thêm 6 tỷ đồng. Trong năm, công ty hầu như không mua sắm thêm tài sản.

2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm tăng 315 tỷ đồng tương đương 27% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu là do:

Vay và nợ ngắn hạn tăng 62 tỷ đồng tương đương 25% do Công ty giảm nợ trái phiếu 100 tỷ đồng nhưng tăng vay ngân hàng 162 tỷ đồng;

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng 230,9 tỷ đồng tương đương 146% do phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tăng 82,9 tỷ đồng, phải trả về nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác tăng 41,2 tỷ đồng, phải trả về hợp đồng hợp tác 3 bên 106,3 tỷ đồng. Công ty không có khoản vay nợ phải trả nào quá hạn thanh toán.

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều rủi ro tiềm ẩn và nguồn lực trong nước hạn chế, kinh tế Việt Nam trong năm 2013 được nhìn nhận sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn với thách thức tiếp tục ổn định vĩ mô trong khi tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đồng thời triển khai tái cơ cấu nền kinh tế. Trọng tâm chính sách trong năm 2013 sẽ là giải quyết nợ xấu, giải phóng hàng tồn kho và tháo gỡ khó khăn lĩnh vực bất động sản trong đó tiêu điểm sẽ là xử lý nợ xấu.

Nhận định TTCK năm 2013 mặc dù có những cơ hội cho các CTCK nhưng còn nhiều khó khăn đặc biệt là những rủi ro khó lường như trong năm 2012 vẫn có thể xảy ra, do vậy SHS xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 như sau:

Môi giới

Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng đến việc khai thác và chăm sóc các nhóm khách hàng VIP và khách hàng tổ chức; Nâng cao số lượng, chất lượng của đội ngũ nhân sự; Nâng cao hiệu suất lao động thông qua cơ chế khoán lương, thưởng gắn với kết quả kinh doanh; Tăng cường các ứng dụng công nghệ phục vụ nhà đầu tư.

Dịch vụ tài chính

Đa dạng hóa số lượng và hình thức cung cấp dịch vụ; Cải tiến các sản phẩm hiện tại theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho Công ty. Chú trọng phát triển công nghệ nhằm gia tăng tiện ích, tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro, nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng.

Kiểm soát chặt rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Đầu tư

Chú trọng công tác đầu tư ngắn hạn (lướt sóng) để tận dụng các cơ hội. Tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư khi có cơ hội, kết hợp với việc chú trọng tìm kiếm và triển khai các nghiệp vụ M&A và các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.

Tư vấn

Triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống, đồng thời chú trọng khai thác các nghiệp vụ tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp; Thoái vốn; Tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn, cùng các nghiệp vụ IB khác.

Nguồn vốn

Triển khai các giải pháp phù hợp nhằm tăng khả năng thanh khoản của Công ty, duy trì tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.

Công tác tổ

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm tỷ lệ lao

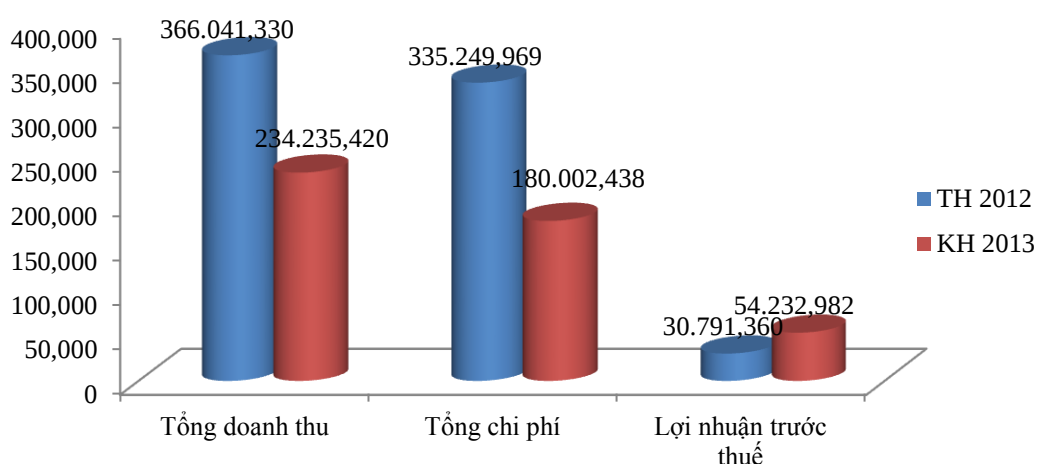
**chức và các hoạt
động khác**

động gián tiếp, tăng tỷ lệ lao động trực tiếp, tăng cường đào tạo nội bộ nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng nhân sự kết hợp với việc bổ sung nhân sự có chất lượng cao vào đội ngũ.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy trình, quy chế, rà soát và kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Công ty.

Tăng cường thực hiện các biện pháp phù hợp để xử lý, thu hồi nợ xấu.

Tóm tắt kế hoạch kinh doanh 2013 (triệu đồng)



V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

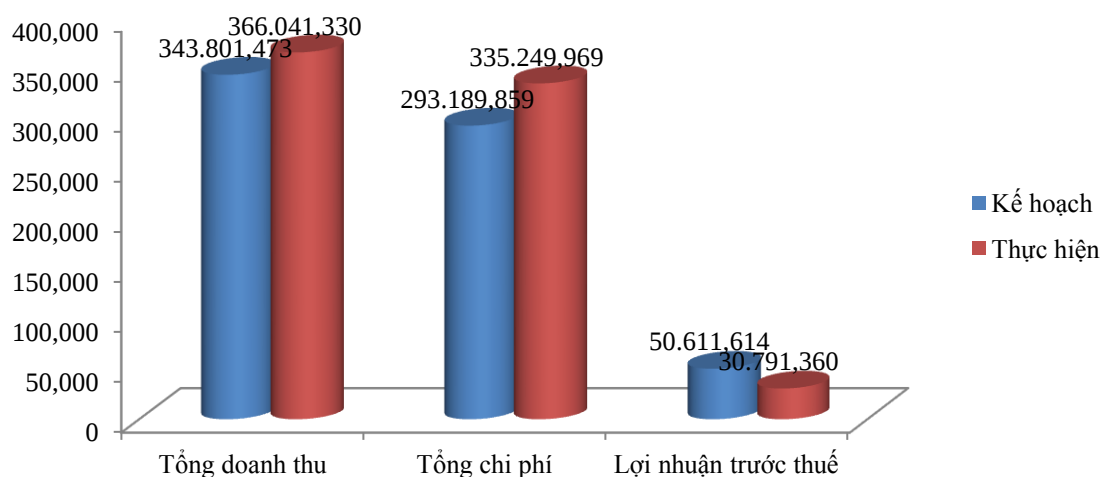
Năm 2012, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và đưa ý kiến chấp nhận toàn bộ.

PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2012 là năm đặc biệt khó khăn với thị trường chứng khoán, kinh tế - chính trị - xã hội trong nước và ngoài nước có nhiều biến động, tác động mạnh tới diễn biến thị trường và hoạt động của các công ty chứng khoán. Kết quả kinh doanh, Công ty đạt gần 30,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương đương 60,8% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Kế hoạch và Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 (triệu đồng)



Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đề ra, trong đó tập trung vào các công việc chính sau:

- Mạnh dạn tái cơ cấu danh mục đầu tư niêm yết (DNY, VOS, EFI,...) và một số cổ phiếu chưa niêm yết;
- Tập trung tăng cường công tác xử lý nợ xấu; quản trị rủi ro;
- Triển khai một số sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhà đầu tư trong đó có các sản phẩm liên quan đến giao dịch ký quỹ, hợp tác đầu tư,...;
- Kiện toàn một số các quy trình, quy chế nội bộ như các quy trình nghiệp vụ, cơ chế lương khoán, quy định về bảo mật thông tin, quy trình đánh giá nhân viên,...;
- Tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự;
- Rà soát, cắt giảm một số chi phí như hành chính, điện, nước, chi phí thuê mặt bằng, chi phí nhân sự gián tiếp.

Mặt khác, Công ty tồn tại một số hạn chế như nợ xấu dù đã được trích lập dự phòng và tích cực thu hồi nhưng vẫn còn ở mức cao; hoạt động kinh doanh còn thụ động, thiếu tính sáng tạo, đội ngũ nhân sự còn yếu và thiếu tính ổn định.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2012, **SHS** liên tục có thay đổi Phó Tổng Giám đốc, đầu năm có 3 Phó Tổng giám đốc, cuối năm chỉ còn 1 Phó Tổng giám đốc. Vì vậy, Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc đảm bảo cho các hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng hoặc gián đoạn. Ban Tổng giám đốc thường xuyên họp bàn, phân công giao việc, kiểm tra chéo, hỗ trợ lẫn nhau; thường xuyên báo cáo trực tiếp với Hội đồng quản trị để có hướng chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời.

Ban Tổng giám đốc đã mạnh dạn đề xuất và quyết liệt xử lý các khoản nợ xấu, danh mục đầu tư tồn đọng, tái cơ cấu bộ máy nhân sự và cắt giảm chi phí hợp lý đồng thời tích cực tìm nguồn huy động vốn cho hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và khai thác nguồn lực từ nhà đầu tư và cổ đông lớn.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2013, Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường giám sát, hỗ trợ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, ưu tiên quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Mục tiêu năm 2013 phát triển bền vững, an toàn tài chính, sản phẩm dịch vụ môi giới và tư vấn tài chính đa dạng, hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc quản trị rủi ro song vẫn đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh.

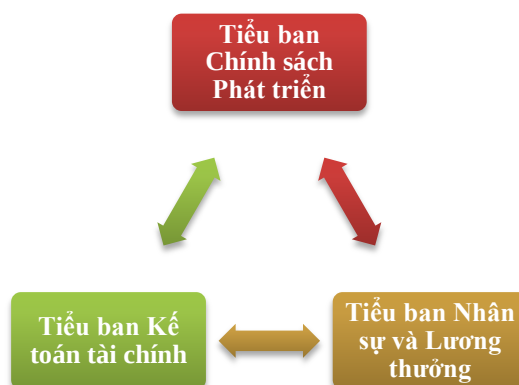
PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại 31/12/2012

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Loại TV	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	25.000	0,025%	TV HĐQT không điều hành, không độc lập	- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng SHB - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội - Chủ tịch HĐQT TCT CP Bảo hiểm SHB-Vinacomin - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2	Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	2.348	0,002%	TV HĐQT không điều hành, không độc lập	- Thành viên HĐQT Ngân hàng SHB - Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam
3	Trần Thoại	Thành viên	25.000	0,025%	TV HĐQT không điều hành, độc lập	- Thành viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
4	Đàm Ngọc Bích	Thành viên	0	0%	TV HĐQT không điều hành, không độc lập	- Thành viên HĐQT Ngân hàng SHB - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn T&T

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:



3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt chế độ họp theo quy định và theo yêu cầu về nâng cao tính quản trị đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- HĐQT phân công các thành viên phụ trách từng mảng công việc, bao gồm các mảng Chính sách phát triển, Tài chính - Kiểm toán, Nhân sự - Lương thưởng để theo sát từng mảng hoạt động được phân công, cập nhật trên cơ sở dữ liệu và báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và báo cáo về cho tất cả các Thành viên HĐQT được biết và cùng có biện pháp xử lý, định hướng và hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc tìm ra hướng giải quyết phù hợp, đặc biệt trong những thời điểm Công ty gặp khó khăn do thị trường suy giảm và ảnh hưởng từ các thay đổi trong nền kinh tế.
- Văn phòng HĐQT với vai trò là Thư ký Công ty, cố vấn của HĐQT, thực hiện các công việc theo chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ, công tác của HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; soạn thảo và xây dựng các văn bản, quy chế, quy trình, báo cáo... thuộc ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định pháp luật.
- HĐQT theo dõi và cập nhật hàng ngày quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành thông qua việc báo cáo trực tiếp và bằng văn bản của Ban Kiểm soát, Ban TGD, Văn phòng HĐQT.
- Tiến hành 06 cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản về nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền.
- Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản Quy chế, quy định, các Nghị quyết, Quyết định Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban hành 31 Quyết định, ký phê duyệt 34 Tờ trình của Ban TGD liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban TGD triển khai nhiệm vụ.

b. Các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp 06 lần, cụ thể:

- Ngày 05/3/2012: Họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2012.

- Ngày 21/3/2012: Hội đồng Quản trị thường kỳ quý I/2012, nội dung chủ yếu họp bàn về việc thông qua kết quả HĐKD năm 2011 và KHKD năm 2012, chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2012.
- Ngày 07/4/2012: Hội đồng Quản trị về việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2012 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 06/4/2012, bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017, phân công các mảng công việc cho từng thành viên.
- Ngày 25/5/2012: Hội đồng Quản trị thường kỳ quý II/2012 nội dung chủ yếu đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh dự kiến những tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện cho các tháng tiếp theo của Ban TGD, đánh giá hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD những tháng đầu năm, biểu quyết về kế hoạch chi trả thù lao cho từng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2012.
- Ngày 28/8/2012: Hội đồng Quản trị thường kỳ quý III/2012, nội dung chủ yếu họp bàn về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh dự kiến 8 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện cho các tháng tiếp theo của Ban TGD, đánh giá hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD 8 tháng đầu năm, biểu quyết Thông qua việc thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT – Phó Chủ tịch HĐQT của Ông Nguyễn Văn Lê theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ngày 20/12/2012: Hội đồng Quản trị thường kỳ Quý IV/2012 để trao đổi về kết quả hoạt động kinh doanh của SHS năm 2012, xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013, xem xét các báo cáo đánh giá soát xét và kiến nghị của Ban Kiểm soát, tổng kết hoạt động của HĐQT trong năm 2012 và phân công công việc trong năm 2013 cho các Thành viên HĐQT.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp 06 lần. Số lần tham dự họp của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự
1	Trần Thoại	Thành viên	6/6

5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

**Tiểu ban
chính sách
phát triển**

- Nghiên cứu xây dựng định hướng phát triển của công ty, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, trình ĐHCĐ thông qua và phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Nghiên cứu các thay đổi, điều chỉnh của chính sách kinh tế vĩ mô, vi mô, các quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN, Sở GDCK và Trung tâm LKCK về chứng khoán, quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính để kịp thời điều chỉnh các chính sách, xây dựng hệ thống quy trình quản trị, giám sát của Công ty cho phù hợp;
- Rà soát, giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tuân thủ chiến lược chung được ĐHCĐ thông qua và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Tiểu ban
Nhân sự và
Lương
thưởng**

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến công tác nhân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban TGD Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của SHS thuộc thẩm quyền HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác với Người điều hành, cán bộ nhân viên Công ty;
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác nhân sự, trên cơ sở đó tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHS.

**Tiểu ban
Kế toán Tài
chính**

- Thẩm định báo cáo tài chính, hồ sơ, số liệu kế toán của Công ty, báo cáo HĐQT và đề xuất hướng xử lý;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến công tác kế toán theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề tài chính phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của SHS thuộc thẩm quyền HĐQT về tài chính, kế toán theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác tài chính kế toán, quản trị rủi ro, an toàn tài chính, huy động vốn và xử lý nợ xấu trên cơ sở đó tham mưu cho HĐQT hướng xử lý thích hợp cũng như sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHS.

6. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Không có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	21.740	0,02%
2	Lương Đức Chính	Thành viên	0	0,00%
3	Vũ Đức Trung	Thành viên	310.000	0,31%

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã tiến hành 5 phiên họp trong đó 1 phiên họp để bầu ra Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 và 4 phiên họp định kỳ để triển khai các công việc của Ban Kiểm soát và thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên Ban Kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty;
- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện 4 đợt kiểm tra định kỳ theo quý tại Hội sở Công ty, tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:
 - ✓ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị điều hành của Công ty;
 - ✓ Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh, kiểm tra tính tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các Phòng ban của Công ty. Một số phòng đã được thực hiện kiểm tra nhiều lần trong năm như Phòng Kế toán tài chính, Phòng đầu tư, Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Phòng Giao dịch Chứng khoán, Phòng Dịch vụ Tài chính.
- Ngoài ra tháng 12/2012, Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh 11 tháng năm 2012 tại 2 chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng;
- Sau các đợt kiểm tra, Ban Kiểm soát đều có kết luận đánh giá khách quan thực trạng và đưa ra các tồn tại cần được khắc phục. Qua kết quả kiểm tra đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát quy trình nghiệp vụ và đề xuất các biện pháp để khắc phục một số sai sót, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc quản lý và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động;
- Ban Kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc việc gửi các biên bản kiểm tra và báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động năm 2012 của Công ty đến Hội đồng quản trị;
- Các báo cáo đều đưa ra số liệu và ý kiến chính xác, khách quan, các kiến nghị mang tính

xây dựng nhằm đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, khuyến khích các Phòng ban cung cấp số liệu chính xác, minh bạch và đảm bảo tính tuân thủ Pháp luật và Điều lệ Công ty, hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ báo cáo vận hành tốt, phát hiện kịp thời các rủi ro để có giải pháp phù hợp;

- Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, một số cuộc họp của Ban Điều hành, kiểm tra kết quả các đợt lấy ý kiến TV HĐQT của HĐQT, tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình;
- BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2011 đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- Ban Kiểm soát thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ 1/1/2012 đến 31/12/2012, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2012 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan;
- Trong năm 2012, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Bộ phận	Tổng số thành viên	Thù lao BQ tháng của bộ phận trong năm 2012 (triệu đồng/tháng)
I	Hội đồng quản trị	4	139,50
II	Ban Kiểm soát	3	52,83
III	Ban Giám đốc	6	258,91

2. Giao dịch cổ phiếu của công đồng nội bộ

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam – Tổ chức có liên quan của Bà Đinh Thị Tiểu Phương – Thành viên HĐQT (trước ngày 06/4/2012), sở hữu 1.083.213 cổ phiếu đăng ký bán 50.000 cổ phiếu **SHS** từ ngày 28/3/2012 đến 25/5/2012.

Kết quả giao dịch: Ngày 28/3/2012 đã bán 23.840 cổ phiếu **SHS**, còn 1.059.733 cổ phiếu **SHS**, chiếm 1,06% vốn điều lệ.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với công đồng nội bộ

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u> VND
Cổ tức nhận được trong kỳ		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	-
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	-
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	16.827.333.350
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(**)	35.958.333.333

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u> VND
Đầu tư cổ phiếu		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	203.084.957.099
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000
Phải trả về hợp tác ba bên		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	66.163.914.500
Số dư vay và nợ ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	120.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(**)	150.000.000.000

(*): Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

(**): Công ty con của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng và công ty niêm yết.

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Số: 227/2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 30 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN**THÔNG TIN CHUNG****CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên		Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/08/2012
Ông	Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông	Trần Thoại	Ủy viên	
Bà	Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Ông	Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Bà	Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông	Nguyễn Công Sử	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông	Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên		Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông	Lương Đức Chính	Ủy viên	
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Bà	Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên		Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông	Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Bà	Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/12/2012
Ông	Trần Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012 Miễn nhiệm ngày 19/11/2012
Ông	Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất

quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Hoàng Đình Lợi

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	T/m	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.428.151.628.714	1.083.455.889.893
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	739.501.000.366	153.344.465.161
111	1. Tiền		587.501.000.366	153.344.465.161
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	218.739.523.132	374.714.830.140
121	1. Đầu tư ngắn hạn		341.824.209.736	546.879.387.725
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(123.084.686.604)	(172.164.557.585)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	456.328.543.592	419.790.513.677
131	1. Phải thu của khách hàng		428.000.000	351.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.615.695.000	9.247.701.828
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		19.027.182.356	-
138	5. Các khoản phải thu khác		552.416.005.808	518.792.022.291
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(201.158.339.572)	(108.600.710.442)
140	IV. Hàng tồn kho	7	108.172.449	80.486.940
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.474.389.175	135.525.593.975
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		542.405.751	323.283.637
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	743.534.894	123.013.861.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.435.095.360	93.038.227.041
220	II. Tài sản cố định		10.826.259.715	16.866.536.590
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.246.911.842	6.120.395.954
222	- Nguyên giá		16.332.466.411	16.122.552.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.085.554.569)	(10.002.156.106)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	7.579.347.873	10.746.140.636
228	- Nguyên giá		19.096.841.419	18.710.729.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.517.493.546)	(7.964.588.502)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.000.000.000	66.306.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	66.900.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.800.000.000)	(594.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.608.835.645	9.865.690.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.380.813.977	6.830.839.546
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.764.175.530	2.301.929.567
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.463.846.138	732.921.338
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp)

Mã số	NGUỒN VỐN	T/m	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		717.504.023.705	433.202.777.332
310	I. Nợ ngắn hạn		717.504.023.705	433.061.630.516
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	312.000.000.000	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		64.893.070	73.073.451
313	3. Người mua trả tiền trước		1.299.000.000	1.266.849.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	650.040.320	260.781.100
315	5. Phải trả người lao động		149.378.026	1.152.610.250
316	6. Chi phí phải trả	17	12.244.439.776	19.739.735.489
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	389.441.675.515	158.564.326.971
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	456.804.432	222.908.779
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		519.376.000	455.364.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		520.368.366	1.298.068.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		133.048.200	27.913.110
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	141.146.816
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	116.146.816
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		774.082.700.369	743.291.339.602
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	774.082.700.369	743.291.339.602
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.442.463.283)	(378.233.824.050)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	31/12/2012	01/01/2012
			VNĐ	VNĐ
006	6. Chứng khoán lưu ký		4.211.954.590.000	2.790.827.910.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		3.265.750.330.000	1.821.130.210.000
008	- CK giao dịch của thành viên lưu ký		40.695.450.000	109.915.160.000
009	- CK giao dịch của khách hàng trong nước		3.225.054.880.000	1.711.215.050.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		506.584.120.000	660.957.000.000
013	- CK tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	170.000.010.000
014	- CK tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		506.584.120.000	490.956.990.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		332.117.400.000	275.717.400.000
018	- CK cầm cố của thành viên lưu ký		274.000.000.000	17.600.000.000
019	- CK cầm cố của khách hàng trong nước		58.117.400.000	258.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		100.663.800.000	33.023.300.000
028	- CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký		2.031.700.000	1.993.000.000
029	- CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước		98.632.100.000	31.030.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		6.838.940.000	-
039	- CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước		6.838.940.000	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
044	- CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	55.424.990.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	40.256.680.000
053	- CK giao dịch của khách hàng trong nước		-	40.256.680.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	15.111.310.000
058	- CK tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	15.111.310.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	57.000.000
073	- CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	57.000.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		15.999.260.000	16.304.280.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		30.000.000.000	216.010.850.000

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	Năm 2012	Năm 2011
			VNĐ	VNĐ
01	1. Doanh thu	21	365.883.972.595	225.902.054.093
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		21.221.589.791	8.266.049.010
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		273.263.660.814	81.680.256.888
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.617.376.868	3.379.742.116
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.358.663.158	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		14.795.834	111.890.266
01.9	Doanh thu khác		67.407.886.130	132.464.115.813
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		101.754.938	17.342.004
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		365.782.217.657	225.884.712.089
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	206.310.591.510	462.060.034.232
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		159.471.626.147	(236.175.322.143)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	128.939.367.324	145.182.169.322
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.532.258.823	(381.357.491.465)
31	8. Thu nhập khác		259.111.986	328.366.257
32	9. Chi phí khác		10.042	431.556.045
40	10. Lợi nhuận khác		259.101.944	(103.189.788)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.791.360.767	(381.460.681.253)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	308	(3.821)

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		109.913.693.754	116.172.544.346
02	Khấu hao tài sản cố định		6.669.642.457	7.472.250.550
03	Các khoản dự phòng		62.683.758.149	203.474.699.278
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.493.921.973)	(173.222.750.565)
06	Chi phí lãi vay		79.054.215.121	78.448.345.083
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		140.705.054.521	(265.288.136.907)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.487.955.260)	201.148.453.546
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		207.127.492.480	225.133.636.303
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		231.734.665.714	(129.047.232.759)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		4.230.903.455	(3.035.791.697)
13	Tiền lãi vay đã trả		(87.688.726.542)	(72.730.456.842)
14	Thuế thu khác từ hoạt động kinh doanh		74.328.016	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.588.389.180)	(566.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		480.107.373.204	(44.385.528.356)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(629.365.582)	(1.272.783.122)
23	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.136.364	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	135.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44.697.599.139	166.496.985.218
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.070.369.921	300.224.202.096
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.284.000.000.000	486.116.024.580
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.222.000.000.000)	(803.616.024.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.207.920)	(34.783.305.201)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		61.978.792.080	(352.283.305.201)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		586.156.535.205	(96.444.631.461)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		153.344.465.161	249.789.096.622
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	739.501.000.366	153.344.465.161
(Đã ký)		(Đã ký)		

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU Năm 2012

Năm 2012	T/ m	Đầu năm VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Giảm trong năm VNĐ	Cuối năm VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(378.233.824.050)	30.791.360.767	-	-
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		743.291.339.602	30.791.360.767	-	774.082.700.369

Năm 2011	T/ m	Đầu năm VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Giảm trong năm VNĐ	Cuối năm VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000		-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.232.552.000	1.500.000	-	108.232.552.000
Vốn khác của chủ sở hữu		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.125.266.033	(381.460.681.253)	(39.898.408.830)	(378.233.824.050)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.160.521.713.993	(377.331.965.561)	(55.980.328.826)	743.291.339.602

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**NĂM 2012****1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.000.000.000 đồng, tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 141 - 143 - Hàm Nghi - Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công

ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm

2.8. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp

đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung

cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VNĐ
Của Công ty Chứng khoán	107.083.178	1.211.465.625.000
- Cổ phiếu	106.579.548	1.208.628.489.000
- Chứng chỉ quỹ	503.630	2.837.136.000
Của người đầu tư	1.103.374.846	13.133.154.494.000
- Cổ phiếu	1.086.436.296	11.724.866.388.000
- Trái phiếu	13.020.000	1.392.452.080.000
- Chứng chỉ quỹ	3.918.550	15.836.026.000
	1.210.458.024	14.344.620.119.000

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	48.854.705	153.026.429
- Tiền gửi ngân hàng	452.609.134.830	101.042.877.842
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	134.266.540.304	51.084.076.207
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	576.470.527	1.064.484.683
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	152.000.000	-
	739.501.000.366	153.344.465.161



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			341.824.209.736	546.879.387.725	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	374.756.310.945
Cổ phiếu niêm yết			341.824.209.736	392.633.330.681	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	220.510.253.901
- ANV	200.000	-	2.231.342.310	-	-	-	(271.342.310)	-	1.960.000.000	-
- BSI	80.000	-	672.000.000	-	-	-	(360.000.000)	-	312.000.000	-
- CSM	55.000	-	1.192.875.211	-	83.124.789	-	-	-	1.276.000.000	-
- DNY	-	2.652.100	-	61.628.433.641	-	-	-	(14.951.473.641)	-	46.676.960.000
- EFI	44	713.044	601.522	9.222.001.925	-	-	(346.322)	(5.371.564.325)	255.200	3.850.437.600
- HPG	7	51.976	152.402	1.266.932.796	-	-	(5.402)	(357.352.796)	147.000	909.580.000
- ITA	33	450.004	200.955	4.028.799.893	-	-	(45.855)	(1.103.773.893)	155.100	2.925.026.000
- KLS	230	599.060	2.246.822	5.841.961.429	-	-	(291.822)	(1.109.387.429)	1.955.000	4.732.574.000
- L14	98.600	100.000	1.301.520.000	1.320.000.000	-	-	(788.800.000)	(470.000.000)	512.720.000	850.000.000
- LAF	9	24.999	146.031	415.322.926	-	-	(110.931)	(55.337.326)	35.100	359.985.600
- LCG	-	400.000	-	4.530.693.288	-	-	-	(1.170.693.288)	-	3.360.000.000
- MBB	3.450.000	-	51.844.609.164	-	-	-	(8.719.609.164)	-	43.125.000.000	-
- MDG	-	9.000	-	181.043.575	-	-	-	(132.443.575)	-	48.600.000
- PGS	400.000	-	6.825.113.288	-	-	-	(25.113.288)	-	6.800.000.000	-
- PHC	425.050	664.230	6.051.383.838	8.422.155.342	-	-	(4.308.678.838)	(4.636.044.342)	1.742.705.000	3.786.111.000
- PHT	927.925	1.054.050	10.487.464.723	12.309.010.627	-	-	(4.919.914.723)	(4.509.040.627)	5.567.550.000	7.799.970.000
- PID	250.000	-	2.500.000.000	-	-	-	(750.000.000)	-	1.750.000.000	-
- PVX	54	1.365.654	248.426	20.192.392.183	48.574	-	-	(11.042.510.383)	297.000	9.149.881.800
- PXA	-	50.000	-	600.000.000	-	-	-	(475.000.000)	-	125.000.000
- PXI	-	347.290	-	6.574.054.348	-	-	-	(5.080.707.348)	-	1.493.347.000
- REE	130.000	-	1.979.768.786	-	178.231.214	-	-	-	2.158.000.000	-
- S96	95	18.095	1.001.578	190.774.127	-	-	(602.578)	(93.061.127)	399.000	97.713.000
- SHB	22.231.538	16.723.172	203.084.957.099	188.738.829.037	-	-	(71.918.882.899)	(90.072.114.237)	131.166.074.200	98.666.714.800



	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- SJS	35.007	-	1.313.030.894	-	-	-	(549.878.294)	-	763.152.600	-
- SSI	360.000	100	5.535.656.084	3.975.924	332.343.916	-	-	(2.605.924)	5.868.000.000	1.370.000
- TSC	200.000	357.110	2.930.658.171	5.314.003.242	-	-	(1.630.658.171)	(671.573.242)	1.300.000.000	4.642.430.000
- VOS	-	505.000	-	5.736.584.847	-	-	-	(3.666.084.847)	-	2.070.500.000
- VRC	2.822.874	3.001.188	43.727.037.833	50.639.908.030	-	-	(28.765.805.633)	(24.529.572.430)	14.961.232.200	26.110.335.600
- VFMVFA	-	503.650	-	5.109.938.164	-	-	-	(2.541.323.164)	-	2.568.615.000
- Các cổ phiếu lẻ khác			142.194.599	366.515.337	1.639.575	41.480.805	(74.600.374)	(122.893.641)	69.233.800	285.102.501
Cổ phiếu chưa niêm yết			-	154.246.057.044	-	-	-	-	-	154.246.057.044
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	-	820.000	-	10.965.920.044	-	-	-	-	-	10.965.920.044
- Công ty CP Điện Gia Lai	-	200.000	-	2.780.000.000	-	-	-	-	-	2.780.000.000
- Công ty CP Công trình Viettel	-	500.000	-	7.730.000.000	-	-	-	-	-	7.730.000.000
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	-	250.000	-	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	3.100.000	-	81.024.991.000	-	-	-	-	-	81.024.991.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	-	2.850.000	-	40.191.200.000	-	-	-	-	-	40.191.200.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	-	500.000	-	9.050.000.000	-	-	-	-	-	9.050.000.000
- Các cổ phiếu khác				3.946.000	-	-	-	-	-	3.946.000
			341.824.209.736	546.879.387.725	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	374.756.310.945

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	351.500.000	-	-	1.554.704.811	1.478.204.811	428.000.000	330.000.000	-	
- Phải thu dịch vụ tư vấn	351.500.000	-	-	858.500.000	782.000.000	428.000.000	330.000.000	-	(165.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	-	-	-	696.204.811	696.204.811	-	-	-	(165.000.000)
Trả trước cho người bán	9.247.701.828	-	-	87.560.950.623	11.192.957.451	85.615.695.000	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	9.247.701.828	-	-	2.560.950.623	11.192.957.451	615.695.000	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	-	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	23.520.098.997	4.492.916.641	19.027.182.356	-	18.957.182.356	(13.270.027.649)
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	15.602.536	15.602.536	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	23.433.496.461	4.476.314.105	18.957.182.356	-	18.957.182.356	(13.270.027.649)
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	71.000.000	1.000.000	70.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	518.792.022.291	119.217.341.291	-	7.511.005.518.236	7.477.381.534.719	552.416.005.808	336.985.954.589	-	(187.723.311.923)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	31.156.617.857	-	-	3.955.009.536.082	3.954.716.822.463	31.449.331.476	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên	-	-	-	634.859.307.037	528.492.442.482	106.366.864.555	1.983.265.919	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	423.258.078.486	105.538.820.743	-	1.135.170.813.334	1.187.115.463.366	371.313.428.454	303.844.321.036	-	(176.190.762.481)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	19.680.448.177	-	-	1.737.407.358.887	1.747.172.739.791	9.915.067.273	8.808.931.274	-	(1.416.044.139)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.020.000.000	-	-	24.913.414.170	25.113.414.170	820.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.484.662.518	13.678.520.548	-	7.084.441.207	13.088.118.373	20.480.985.352	20.279.922.120	-	(9.480.751.363)
- Phải thu khác	17.192.215.253	-	-	16.560.647.519	21.682.534.074	12.070.328.698	2.069.514.240	-	(635.753.940)
	528.391.224.119	119.217.341.291	-	7.623.641.272.667	7.494.545.613.622	657.486.883.164	337.315.954.589	18.957.182.356	(201.158.339.572)

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	(108.600.710.442)	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	(92.557.629.130)	(108.600.710.442)
Số dư cuối năm	(201.158.339.572)	(108.600.710.442)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	108.172.449	80.486.940
Cộng giá gốc hàng tồn kho	108.172.449	80.486.940

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	12.188.448.530	12.188.448.530

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	678.846.394	122.952.473.308
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	64.688.500	61.388.500
	743.534.894	123.013.861.808

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	12.276.112.214	3.294.576.582	551.863.264	16.122.552.060
Số tăng trong năm	42.589.000	-	200.664.301	243.253.301
- Mua sắm mới	42.589.000	-	200.664.301	243.253.301
Số giảm trong năm	(33.338.950)	-	-	(33.338.950)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	-	-	(11.338.950)
Số dư cuối năm	12.285.362.264	3.294.576.582	752.527.565	16.332.466.411
Số dư đầu năm	7.998.813.189	1.706.780.747	296.562.170	10.002.156.106
Số tăng trong năm	2.230.461.135	716.359.869	169.916.409	3.116.737.413
- Trích khấu hao	2.230.461.135	716.359.869	169.916.409	3.116.737.413
Số giảm trong năm	(33.338.950)	-	-	(33.338.950)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	-	-	(11.338.950)
Số dư cuối năm	10.195.935.374	2.423.140.616	466.478.579	13.085.554.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	4.277.299.025	1.587.795.835	255.301.094	6.120.395.954
Số dư cuối năm	2.089.426.890	871.435.966	286.048.986	3.246.911.842

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	18.710.729.138	18.710.729.138
Số tăng trong năm	386.112.281	386.112.281
- Mua sắm mới	386.112.281	386.112.281
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	19.096.841.419	19.096.841.419
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	7.964.588.502	7.964.588.502
Số tăng trong năm	3.552.905.044	3.552.905.044
- Trích khấu hao	3.552.905.044	3.552.905.044
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.517.493.546	11.517.493.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	10.746.140.636	10.746.140.636
Số dư cuối năm	7.579.347.873	7.579.347.873

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	64.206.000.000
- Chứng khoán khác			-	2.100.000.000	-	-	-	-	-	2.100.000.000
			64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	6.830.839.546	4.118.331.486
Số tăng trong năm	14.080.597.195	10.540.847.932
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(18.530.622.764)	(7.828.339.872)
	2.380.813.977	6.830.839.546

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.035.910	1.163.625.929
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.812.828.990	1.930.041.186
Chi phí trả trước dài hạn khác	426.949.077	3.737.172.431
	2.380.813.977	6.830.839.546

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.364.377.161	2.111.475.846
Tiền lãi phân bổ trong năm	279.798.369	70.453.721
Số dư cuối năm	2.764.175.530	2.301.929.567

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	-	1.284.000.000.000	(1.122.000.000.000)	162.000.000.000
- Ngân hàng	-	1.284.000.000.000	(1.122.000.000.000)	162.000.000.000
Nợ ngắn hạn	250.000.000.000	-	(100.000.000.000)	150.000.000.000
	250.000.000.000	1.284.000.000.000	(1.222.000.000.000)	312.000.000.000

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên ⁽¹⁾	42.000.000.000	-
Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽²⁾	120.000.000.000	-
Nợ ngắn hạn (trái phiếu SHS) ⁽³⁾	150.000.000.000	250.000.000.000
	312.000.000.000	250.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ ngắn hạn:

(1): Hợp đồng tín dụng số 1701 - LDS - 201200453 ngày 14 tháng 05 năm 2012 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 001 ngày 30 tháng 07 năm 2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 80.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh ký quỹ chứng khoán và cung cấp các dịch vụ đòn bẩy tài chính cho nhà đầu tư;
- + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân của từng khế ước;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã Chứng khoán **SHS**) thuộc sở hữu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội với tỉ lệ cho vay theo quy định của Eximbank và các tài sản khác được Eximbank chấp nhận; giá trị tài sản đảm bảo theo biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 05/12/2012 là 108.780.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 080.2012/HDHM - PN/SHB-**SHS** ngày 14 tháng 04 năm 2012 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 001 ngày 30 tháng 07 năm 2012 và các phụ lục kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh ký quỹ chứng khoán;
- + Thời hạn vay: được quy định cụ thể tại mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm các cổ phiếu Niêm yết và OTC mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đang nắm giữ, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 291.294.000.000 đồng.
- + Số dư vay tại thời điểm 31/12/2012 là 50.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2812/2012/HĐTD/NH-PN/SHB Hà Nội ngày 28/12/2012 với các điều khoản sau:

- + Số tiền vay: 70.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: từ 31/12/2012 đến 02/01/2013
- + Lãi suất cho vay: 11,74%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán số 1001085133 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- + Số dư vay tại thời điểm 31/12/2012 là 70.000.000.000 đồng.

(3): Hợp đồng mua Trái phiếu **SHS_BOND.350.2011** của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

- Hà Nội số 293/2011/SHS/TV-MBTP ngày 30/09/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Công văn số 360/2012/CV - SHAMC1 của Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản SHB về việc gia hạn nợ của hợp đồng trên, với các thông tin chi tiết như sau:

- Loại Trái phiếu	Trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo
- Mã trái phiếu	SHS_BOND.350.2011
- Hình thức phát hành	Phát hành riêng lẻ
- Hình thức trái phiếu	Bút toán ghi sổ
- Giá trị trái phiếu phát hành	250.000.000.000 VNĐ
- Số lượng trái phiếu phát hành	250 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Giá phát hành	1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Kỳ hạn trái phiếu	1 năm kể từ ngày phát hành
- Giá trị trái phiếu đã tắt toán trong năm	100.000.000.000 VNĐ
- Giá trị trái phiếu được gia hạn trả nợ	150.000.000.000 VNĐ
- Thời gian gia hạn	12 tháng (từ 01/10/2012 đến 01/10/2013)
- Lãi suất trong thời gian gia hạn	16,5%/ năm (3 tháng điều chỉnh 1 lần)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	66.856.433	26.315.482
Thuế Thu nhập cá nhân	583.183.887	234.465.618
	650.040.320	260.781.100

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	9.135.388.958	17.769.900.379
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	402.420.000	690.840.889
Chi phí phải trả khác	2.706.630.818	1.278.994.221
	12.244.439.776	19.739.735.489

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	21.841.110	35.959.730
Bảo hiểm xã hội	-	6.971.800
Bảo hiểm y tế	-	1.447.158
Bảo hiểm thất nghiệp	-	396.366
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	133.290.359.872	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	147.268.297.244	156.440.803.570
Phải trả cổ tức cho cổ đông	317.102.449	338.310.369
Phải trả hợp đồng hợp tác 3 bên	106.366.864.555	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.177.210.285	1.740.437.978
	<u>389.441.675.515</u>	<u>158.564.326.971</u>

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	138.881.600	38.297.000
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	164.284.108	184.611.779
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	153.638.724	-
	<u>456.804.432</u>	<u>222.908.779</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	108.232.552.000	5.356.947.980	(1.550.000.000)	5.356.947.980	43.125.266.033	1.160.521.713.993
Tăng vốn trong năm	-	1.500.000	-	-	-	-	1.500.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(381.460.681.253)	(381.460.681.253)
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.063.607.846	-	2.063.607.846	(39.898.408.830)	(35.771.193.138)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(378.233.824.050)	743.291.339.602
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	30.791.360.767	30.791.360.767
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công Ty CP Tập đoàn T&T	123.270.000.000	12,33%	123.270.000.000	12,33%
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Cường	70.645.380.000	7,06%	70.645.380.000	7,06%
Vốn góp của cổ đông khác	641.724.620.000	64,17%	641.724.620.000	64,17%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.000.000.000.000	410.629.960.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	365.883.972.595	225.902.054.093
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	21.221.589.791	8.266.049.010
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	273.263.660.814	81.680.256.888
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2.617.376.868	3.379.742.116
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.358.663.158	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	14.795.834	111.890.266
- Doanh thu khác	67.407.886.130	132.464.115.813
Các khoản giảm trừ doanh thu	(101.754.938)	(17.342.004)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	365.782.217.657	225.884.712.089

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.928.120.760	1.340.559.227
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	115.064.134.040	252.907.300.398
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	280.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn	938.535.821	814.232.520
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.972.579.320	947.122.634
Chi phí dự phòng	(29.873.870.981)	94.873.988.836
Chi phí khác	84.795.888.871	80.017.599.805
Chi phí trực tiếp chung	29.485.203.679	30.879.230.812
- <i>Chi phí nhân viên</i>	15.163.627.164	12.897.645.820
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	865.538.759	838.524.173
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	3.712.785.370	3.826.815.431
- <i>Chi phí khác bằng tiền</i>	9.743.252.386	13.316.245.388
	206.310.591.510	462.060.034.232

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	15.630.701.138	16.744.710.693
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.256.584.624	1.187.058.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.956.857.087	3.624.130.039
Thuế, phí và lệ phí	249.560.874	50.606.448
Chi phí dự phòng	92.557.629.130	108.600.710.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.178.559.254	8.727.376.082
Chi phí khác bằng tiền	5.109.475.217	6.247.577.017
	128.939.367.324	145.182.169.322

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	106.301.313
- Chi phí không hợp lệ	-	106.301.313
Các khoản điều chỉnh giảm	(447.174.706.074)	(40.631.840.706)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.188.485.428)	(40.631.840.706)
- Chuyển lỗ các năm trước	(421.986.220.646)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
- Thu nhập tính thuế còn lại	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận sau thuế	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	308	(3.821)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.501.000.366	-	153.344.465.161	-
Phải thu khách hàng	428.000.000	-	351.500.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.027.182.356	-	-	-
Phải thu khác	552.416.005.808	(201.158.339.572)	518.792.022.291	(108.600.710.442)
Đầu tư ngắn hạn	341.824.209.736	(123.084.686.604)	546.879.387.725	(172.164.557.585)
Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.800.000.000)	66.900.000.000	(594.000.000)
	1.717.996.398.266	(344.043.026.176)	1.286.267.375.177	(281.359.268.027)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	312.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả người bán	64.893.070	73.073.451
Chi phí phải trả	12.244.439.776	19.739.735.489
Phải trả khác	389.466.675.515	158.589.326.971
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	456.804.432	222.908.779
	714.232.812.793	428.625.044.690

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan nên Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.501.000.366	-	-	739.501.000.366
Phải thu khách hàng	263.000.000	-	-	263.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5.757.154.707	-	-	5.757.154.707
Phải thu khác	364.692.693.885	-	-	364.692.693.885
Đầu tư ngắn hạn	218.739.523.132	-	-	218.739.523.132
Đầu tư dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	1.328.953.372.090	45.000.000.000	-	1.373.953.372.090

Tại 01/01/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	153.344.465.161	-	-	153.344.465.161
Phải thu khách hàng	351.500.000	-	-	351.500.000
Phải thu khác	410.191.311.849	-	-	410.191.311.849
Đầu tư ngắn hạn	374.714.830.140	-	-	374.714.830.140
Đầu tư dài hạn	-	66.306.000.000	-	66.306.000.000
	938.602.107.150	66.306.000.000	-	1.004.908.107.150

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VNĐ	Trên 1 năm đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Phải trả người bán	64.893.070	-	-	64.893.070
Chi phí phải trả	12.244.439.776	-	-	12.244.439.776
Phải trả khác	389.441.675.515	25.000.000	-	389.466.675.515
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	456.804.432	-	-	456.804.432
	714.207.812.793	25.000.000	-	714.232.812.793
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
Phải trả người bán	73.073.451	-	-	73.073.451
Chi phí phải trả	19.739.735.489	-	-	19.739.735.489
Phải trả khác	158.564.326.971	25.000.000	-	158.589.326.971
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	222.908.779	-	-	222.908.779
	428.600.044.690	25.000.000	-	428.625.044.690

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Các bộ phận khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21.221.589.791	273.263.660.814	68.028.083.345	3.268.883.707	-	365.782.217.657
Chi phí bộ phận trực tiếp	34.171.880.267	87.301.920.148	174.545.836.086	3.355.665.687	-	299.375.302.188
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	35.874.656.646
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.950.290.476)	185.961.740.666	(106.517.752.741)	(86.781.980)	-	30.532.258.823
Tài sản bộ phận trực tiếp	167.010.204.100	277.966.191.626	434.057.660.517	385.703.760	-	879.419.760.003
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	612.166.964.071
Tổng tài sản	167.010.204.100	277.966.191.626	434.057.660.517	385.703.760	-	1.491.586.724.074
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	134.228.166.199	-	469.051.481.819	1.299.000.000	-	604.578.648.018
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	112.925.375.687
Tổng nợ phải trả	134.228.166.199	-	469.051.481.819	1.299.000.000	-	717.504.023.705

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hội sở	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	349.726.246.824	11.562.303.097	4.493.667.736	365.782.217.657	-	365.782.217.657
Tài sản bộ phận	1.397.453.542.812	76.627.876.732	17.505.304.530	1.491.586.724.074	-	1.491.586.724.074
Nợ phải trả bộ phận	625.628.556.905	61.576.445.611	30.299.021.189	717.504.023.705	-	717.504.023.705

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Cổ tức nhận được trong kỳ			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	-	-
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	-	-
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	16.827.333.350	1.455.143.398
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(**)	35.958.333.333	38.930.555.556

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Đầu tư cổ phiếu			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	203.084.957.099	188.738.829.037
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000	64.800.000.000
Phải trả về hợp tác ba bên			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	66.163.914.500	-
Số dư vay và nợ ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	120.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(**)	150.000.000.000	250.000.000.000

(*): Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

(**): Công ty con của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	-	-

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Sỹ Tiến

Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Ngày 03 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

HOÀNG ĐÌNH LỢI